

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH
TÙY SỞ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 74

Phẩm 28: MƯỜI THÔNG

Sớ từ câu: “Hai là giải thích tên gọi” tiếp xuống: Văn gồm ba:

Một: Chính thức giải thích Kinh hiện tại.

Hai: Từ câu: “Tấn Kinh” tiếp xuống: Là kết hợp thông tỏ về Kinh khác.

Ba: Từ câu: “Nhưng Thông cùng với Minh” tiếp xuống: Là kết hợp giải thích, phân biệt để tránh sự lẫn lộn. Phần này gồm hai:

Thứ nhất: Chính thức dẫn Luận để nêu rõ chỗ đồng khác của Thông, Minh.

Thứ hai: Kết hợp để giải thích văn Kinh.

Nay nói về phần Thứ nhất: Luận có nêu câu hỏi: “Thần thông cùng với Minh có những dị biệt ra sao?”

“Đáp”: Nhận biết thẳng những sự việc về thân mạng đời trước, trong quá khứ thì gọi là Thông. Nếu nhận biết về Hành nghiệp của quá khứ, là Minh.

Lại nữa! Nhận biết thẳng về việc chết đây sinh kia, đó gọi là Thông. Nhận biết về giới hạn nhân duyên của Hành, hội hợp chẳng mất, thì gọi là Minh.

Lại nữa! Dứt hết ngay mọi Kiết Sử, không rõ là sinh trở lại hay chẳng sinh trở lại. Đó gọi là Lộ Tận Thông. Nếu nhận biết về chỗ Lộ được dứt sạch, chẳng còn sinh trở lại, thì gọi là Minh.”

Giải thích: Phần văn trước của đoạn Luận này là giải thích về “Minh Hành Túc”, chỗ gọi là ba Minh, nhân đấy dùng ba Minh đối chiếu với sáu Thông để biện giải về chỗ sai biệt. Nay phần Sớ giải chỉ nêu lên một Minh. Phần sau cùng gọi “vân vân” là chỉ cho hai Minh sau.

Sớ từ câu: “Nay do Kinh này là thông dụng nên dựa theo đấy”

tiếp xuống: Là phần thứ hai, kết hợp để giải thích văn của Kinh. Gồm hai phần:

Một: Kết hợp với Tấn Kinh để biện minh. Thuận văn thuận nghĩa nên nghĩa đều theo đấy mà soi sáng, văn có chứng minh.

Hai: Từ câu: “Ý của Tấn Kinh là giữ lấy chỗ thuận nghĩa” tiếp xuống: Là kết hợp với văn của Kinh hiện tại.

Nói: “Chú trọng vào chỗ không trái với văn” Tức văn có mười Thông đồng với sáu Thông. Minh chỉ có ba, mười, không tùy thuộc. Thông tiếng Phạm là “Cật Lật địa”. Minh gọi là “Bà Xí”.

Số câu: “Một là Tha Tâm, hai là Thiên nhãn”: Do Kinh không nêu dẫn chung, nên nay nêu ra tên gọi. Văn gồm bốn phần:

Một: Nêu ra tên gọi riêng.

Hai: Từ câu: “Mười thứ ấy đều gọi là Trí Thông” tiếp xuống: Là biện biệt về chỗ gọi Thông kia. Thông gọi là thần thông, như đã nói ở trên. Nay chỉ giải thích chữ Trí, nên cần nêu ra Thể.

Từ câu: “Nếu tùy theo Tướng” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ sai biệt của Trí.

Ba: Từ câu: “Mười thứ này cũng là” tiếp xuống: Là đối chiếu với sáu Thông để chia, hợp. Chỉ xem thứ lớp được nêu ra ở trước, tại văn dễ lãnh hội.

Bốn: Từ câu: “Nhưng Tiểu thừa” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức có vấn nạn nêu:

“Mười Thông hoàn toàn khác, có thể phân ra Quyền, Thật. Chỗ khác của mười sáu thứ đã dựa nơi sáu mà chia. Sao có thể vượt quá sáu?” Nên ở đây giải thích: Danh, số có chỗ khác biệt nhỏ, nhưng về ý nghĩa sâu xa thì hoàn toàn trái nhau. Văn có ba đoạn:

Thứ nhất: Biện minh về Tiểu thừa.

Thứ hai: Biện minh về ba Thừa.

Thứ ba: Giải thích về một Thừa.

Nói: “Tiểu thừa cho diệu dụng của Trí có phân lượng”: Tức như về Túc mạng thông chỉ nhận biết sự việc của tám vạn kiếp. Thiên nhãn chỉ thấy Tam thiên thế giới. Thiên nhĩ, Tha tâm, thần túc đều giới hạn trong Tam Thiên. Lộ tận chẳng đạt tới chỗ tận trừ hết đối tượng được nhận biết. Cho nên gọi là “Có phân lượng”. Ba Thừa thì sự biến hiện khắp được chia đều, nêu rõ là chẳng đạt tới tận cùng nẻo trùng trùng. Một Thừa thì trùng trùng đã rõ ràng nên có khác. Như Thiên nhãn thấy rõ các cõi của trong hạt bụi, hạt bụi của trong các cõi, Phật của vô số các cõi. Nơi lỗ chân lông của thân Phật với vô số vô lượng cảnh giới

trùng trùng. Trong các cõi trùng trùng kia, đức Như Lai thuyết pháp... Thiên nhĩ đều nghe được tiếng chúng sinh trong các cõi tâm bao trùm hiểu rõ hết thảy trong một niệm tức biết nhiều cõi đầu chỉ giới hạn trong một vi trần trong tám vạn kiếp, tức qua đến các cõi vô cùng tận, đâu chỉ giới hạn bên trong, Tam thiên Ba Minh tuy nhận biết về Nhân khởi, nhưng chưa đạt tới tận cùng nẻo trùng trùng, nên gọi là “Hãy còn vượt hơn Minh kia”, huống chi là cảnh giới của sáu Thông thuộc Tiểu thừa ba Thừa. Tiếp theo có vấn nạn: “Nếu thế, thì chỉ biện minh về sáu Thông, mà nghĩa có khác. Đã phân biệt về Quyền, thật, đâu cần là mười?” Do đó nói: “Nhờ vào Sự để hiển bày chỗ viên mãn nên chia ra làm mười “Mười, mười pháp môn là tông chỉ gốc.

Sớ từ câu: “Thứ nhất, nêu gọi là Tha tâm” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích tên gọi.

Hai: Biện biệt về Tướng.

Nơi phần một văn gồm ba chi tiết:

Thứ nhất: Kết hợp chủ thể, đối tượng để giải thích. Trí là chủ thể duyên. Tha tâm là đối tượng được duyên.

Thứ hai: Dựa trực tiếp nơi đối tượng được duyên, loại bỏ chủ thể, căn cứ theo đối tượng để giải thích.

Thứ ba: Từ câu: “Hoặc Sở hoặc Vương” tiếp xuống: Là hiển bày chỗ rộng hẹp của Trí.

Sớ từ câu: “Nhưng Trí duyên với Tha tâm” tiếp xuống: Là phần hai, biện biệt về tướng. Gồm hai chi tiết:

Một là: Nêu ra cách giải thích khác.

Hai là: Lãnh hội về Kinh hiện tại.

Trong phần một là, tức nơi Duy Thức Nhị thập tụng. Kệ viết:

“Tha tâm Trí thế nào?

Duyên cảnh chẳng như thật

Như biết tự tâm trí

Chẳng biết như cảnh Phật”.

“Chẳng biết như cảnh Phật”: Tức chỉ Phật mới đạt được bản chất

Sớ từ câu: “Dựa theo Duy Thức” tiếp Xuống: Là chi tiết hai, lãnh hội về ý của Kinh hiện tại. Gồm ba phần:

Một: Nêu lên chỗ chọn lấy. Chọn lấy ý của Luận sư An Huệ ở trước, cho “Trước cũng chưa gọi là mất”.

Hai: Từ câu: “Do thâm tóm cảnh” tiếp xuống: Là nêu ra lý do khiến không mất.

Ba: Từ câu: “Nếu lìa ngoài Phật” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán chỗ giải thích của Luận sư Hộ Pháp (cách giải thích thứ hai).

Trong phần hai cũng gồm ba chi tiết:

Thứ nhất: Nêu trực tiếp về nguyên do.

Thứ hai: Chỉ rõ về tướng của Tha tâm nơi Pháp tánh.

Thứ ba: Tóm kết, xác nhận về nghĩa chính.

Nơi chi tiết Thứ nhất nêu trực tiếp về nguyên do, tức là chỉ rõ Tông Pháp tướng có ba nghĩa.

Một là: “Thâu tóm Cảnh theo Tâm, chẳng hủy hoại Cảnh”, tức là chỉ rõ chỗ có, không của Tâm Cảnh. Chỗ đạt được bản chất kia e hủy hoại duy Tâm. Cảnh đã không bị hủy hoại nên chỗ Cảnh đạt được đâu vướng mắc gì? Hủy hoại thì có mất mát gì? Do “Không tâm”, tức không tâm nơi muôn vật mà muôn vật chưa từng không. Chỗ được ấy là ở nơi thần tịch tĩnh. Chỗ mất là ở nơi vật rỗng lặng, nghĩa là vật thật có. Nếu duy Tâm, hủy hoại Cảnh, tức chỗ được là ở nơi Cảnh không, chỗ mất là ở nơi Tâm có. Cho nên cho Cảnh do Tâm biến hiện, vì thế gọi là “Duy Tâm”. Chỗ biến hiện chẳng không hà tất cần hủy hoại. Nếu cho duyên sinh Vô tánh tức Tâm Cảnh cùng mất, nên nói: “Nhờ Tâm để loại trừ Cảnh. Cảnh bị loại trừ mà Tâm mất tức chẳng phải là Tâm riêng còn .

Hai là: “Chủ thể, đối tượng cùng mất, chẳng ngăn ngại với còn”: Trên là chẳng hủy hoại Cảnh, lại loại trừ bệnh e sợ về bản chất nay thì loại bỏ lý của Có, Không, nên Tâm-Cảnh cùng thuận nơi còn mất. Tâm Cảnh cùng dựa vào nhau, nên Có, Không cùng nương theo duyên sinh nên có. Có tức là còn, Không tức là mất. Không, có cùng thấu triệt, nên còn mất lưỡng toàn.

Ba là: “Đệ nhất nghĩa với duy Tâm, chẳng phải một chẳng phải khác”: Là chính thức nêu ra phần Lý của duy Tâm, nhưng hãy còn chung nơi duy Tâm sinh diệt.

Nghĩa thứ hai, tuy cho cả hai cùng mất, chẳng bị ràng buộc nhưng chưa nói Tâm Cảnh cùng thâu tóm. Nay nêu rõ phần đầy đủ về Duy Thức, nên gọi là “Duy Tâm Đệ nhất nghĩa”. Đồng với Đệ nhất nghĩa nên chẳng phải là khác. Chẳng hủy hoại chủ thể - đối tượng nên chẳng phải là một. Chẳng phải là một, nên nghĩa có chủ thể, đối tượng duyên, nơi khác thành. Chẳng phải là khác nên chủ thể, đối tượng bình đẳng nghĩa về duy Tâm thành.

Nói: “Chính khi duyên Tha tức là Tự”: Là tóm kết, xác nhận chỗ được nơi bản chất, không có lỗi về ngoài Tâm. Do tức là Tự nên chẳng trái với Duy Thức.

Sớ từ câu: “Do tức Tâm chúng sanh của Tâm Phật” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai: Chỉ rõ về Tướng của Tha tâm theo Pháp tánh. Đây có hai đối: Đối trước nêu rõ về đối tượng được duyên. Đối sau biện minh về Chủ thể duyên.

Nay nói về đối trước. Nói “Tức tâm chúng sanh của Tâm Phật”: Đây là nêu rõ về đối tượng được duyên: Tâm chúng sanh tức là Tâm Phật. Phần này biện minh về “Chẳng khác”.

Tiếp theo nói: “Chẳng phải tức Tâm Phật của Tâm chúng sanh”. Câu này biện minh Tâm chúng sanh cùng với Tâm Phật chẳng phải là “Tức”. “Chẳng phải là Tức” nên có nghĩa về đối tượng được duyên. “Chẳng phải là khác” nên không hủy hoại nghĩa duy Tâm.

Nói: “Là đối tượng được duyên”: Là tóm kết, xác nhận về đối tượng được duyên. Phân biệt chẳng phải là chủ thể duyên.

Phần tiếp sau biện giải về “Chủ thể duyên”, nói: “Do tức Tâm Phật của Tâm chúng sanh”: Câu này nêu rõ về Chủ thể duyên Tâm Phật tức là Tâm chúng sanh. Phần này là biện minh về “Chẳng phải là khác”.

Tiếp đến nói: “Chẳng phải tức Tâm chúng sanh của Tâm Phật”:

Ở đây nêu rõ Tâm Phật cùng với Tâm chúng sanh có nghĩa “Chẳng phải là một” “Chẳng phải là một” nên là Chủ thể duyên. Chẳng phải là khác nên chẳng hủy hoại nghĩa của Duy Thức.

Nói: “Là chủ thể duyên”: Là tóm kết, xác nhận về Chủ thể duyên, phân biệt chẳng phải là đối tượng được duyên. Lại dùng dụ để so sánh như sữa hoà với nước. Sữa là “đối tượng được Hoà”, dụ cho Tâm chúng sanh, là đối tượng được duyên. Nước là “Chủ thể hoà”, dụ cho Tâm Phật, là chủ thể duyên. Do hai thứ ấy hoà hợp, giống như một vị. Ngỗng chúa rút rĩa hết sữa, nước còn, tức biết chẳng phải là một. Nhưng tên gọi của nước ấy tức là nước của sữa. Lại, tên gọi của sữa ấy tức là sữa của nước. Hai thứ tuy tương tức mà có nghĩa chẳng là một, nên ứng hợp nơi dụ. Do tức sữa của nước chẳng phải là tức nước của sữa, nên là đối tượng được hòa. Do tức nước của sữa chẳng phải là tức sữa của nước, nên là Chủ thể Hoà. Nghĩa có thể nhận biết.

Sớ câu: “Như thế là dung thông nên chẳng phải là một, chẳng phải là khác”: Là chi tiết thứ ba, tóm kết để xác nhận nghĩa chính Trong phần ba, tổng kết, phê phán cách giải thích của Luận sư Hộ Pháp.

Nói: “Trở lại mất nghĩa Chân Duy Thức”: Tức chẳng biết Chất bên ngoài tức là Tâm Phật.

Thứ ba là Túc Trụ Thông:

Từ câu: “Đều do Bồ-tát đạt được mắt của chín đời như thấy hiện tại” tiếp xuống: Đây là giải thích nghĩa “Nhận biết”. Mà nói: “Kiến” (Thấy) tức là “Tri kiến”.

Trên đây là phần một: Chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Nếu chẳng như thế” tiếp xuống: Là nêu câu hỏi ngược lại để thành lập.

Ba: Từ câu: “Như chính từng trải qua” tiếp xuống: Là ngăn chặn sự biện hộ giúp. Tức là e có sự biện hộ: Xưa từng thấy các sự việc. Sự việc tuy đã mất, nhưng chủng tử của sự thấy kia vẫn còn, nên có thể nhận biết. Từ câu: “Đó tức là” tiếp xuống: Là ngăn chặn. Đối với sự biện hộ giúp này, vẫn có ba cách đả phá:

Thứ nhất: Đả phá bằng cách phủ nhận: Nghĩa là chỉ thấy Tâm, chẳng thấy Pháp, nên chỗ thấy chẳng đồng. Há chỉ thấy nơi Tâm hiện tại mà gọi là Túc Trụ Trí?

Thứ hai: Từ câu: “Lại từng chẳng trải qua” tiếp xuống: Là đả phá bằng cách mở rộng. Nghĩa là mở rộng chấp nhận có chủng tử thì có thể biết, thấy. Xưa không từng trải qua các sự, thì tương ứng chẳng thể biết thấy. Tức xưa làm người sao có thể thấy khắp, nay được túc trí lên rộng xa đều biết được.

Thứ ba: Từ câu: “Lại chỉ thấy hiện tại” tiếp xuống là tóm kết, xác nhận. Tức đả phá vì trái với tên gọi.

Sắc là Tri kiếp Thông:

Câu: “Nhưng tông chỉ của Đại thừa cho pháp của đời vị lai, Thế Dụng đều không. Nay nói: Do cái gì để nhận biết”: Là nêu tổng quát về nghĩa “Nhận biết”. Nghĩa là Tiểu thừa hoặc nói ba đời cùng có. Vị lai chỉ là chưa có Dụng. Hoặc giả như có thể thấy mà chưa có Thế. Đại thừa cho Thế, Dụng đều không tức không thể “Tri Kiến”.

Câu tiếp theo: “Dựa nơi phương tiện giáo hóa” tiếp xuống: Là phần giải đáp. Gồm hai chi tiết:

Một: Dựa nơi Quyền giáo để lập Lý, giải đáp. Tức là thấy nhân nên biết quả. Như thấy Sắc tướng thì nhận biết lành dữ về sau.

Số từ câu: “Như tông chỉ của Nhất Thừa” tiếp xuống: Là chi tiết hai dựa nơi chỗ chân thật của Nhất Thừa để giải đáp. Gồm bốn:

Thứ nhất: Chính thức biện minh về nghĩa Thật.

Thứ hai: Từ câu: “Nhưng chẳng phải là Hiện tại của Hiện tại” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc.

Thứ ba: Từ câu: “Có ấy hoặc là” tiếp xuống: Là nêu lý. Giả như Tánh có, Duyên có thì cả hai đều có lỗi.

Sắc: Từ câu: “Như hiện nay xem thấy” tiếp xuống: Là dùng Lý để kết hợp, thông tỏ. Tức chẳng hướng tới thời hiện tại để xem vị lai. Nếu thế thì vị lai ấy tức là hiện tại của vị lai. Vị lai làm sao có được?

Từ câu: “Nếu đỏi theo” tiếp xuống: Là hướng theo vị lai để xem vị lai. Vị lai là Hiện tại, nên khác đối với hiện nay. Các thông số thứ năm, sáu, bảy, xem văn đều có thể nhận biết.

Thứ tám là Vô số Sắc Thân Thông: (Sắc thân trang nghiêm Trí thông).

Từ câu: “Thứ nhất. Do thấu tỏ không có Sắc thật cố định trong Pháp giới” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải có hai:

Một: Làm rõ ý chính.

Hai: Từ câu: “Trong đó gồm sáu câu” tiếp xuống: Là giải thích văn. Nơi phần một ý nêu rõ: Đây là Không của tức Sắc, là chân không của chẳng phải tuyệt dứt Sắc, nên không ngăn ngại đối với Sắc hiện tại. Trong ấy, trước hết là biện minh: “Không của tức Sắc”, nên có thể hiện bày Sắc. Do ở trên nói không có Sắc thật, nên “Tức Sắc là Không” Đã tức Sắc là Không nên chẳng phải là Không của đoạn. Lại, không có cái Thật cố định, tức hiển bày chẳng phải là thường; chẳng phải là Không của đoạn, lại, hiển bày chẳng phải là đoạn. Do cố định Có tức Thường, cố định Không tức Đoạn, Nay chẳng phải là đoạn Thường tức là Chân pháp giới.

Từ câu: “Trong Không chẳng có Sắc, nên chẳng ngăn ngại Sắc”: Là nêu rõ không chẳng ngăn ngại Sắc, nên có thể hiển bày Sắc.

Từ câu: “Còn, Mất, Ẩn, Hiện” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận nghĩa trên. Đến phần sau sẽ rõ. Nhưng nơi đoạn này, văn đã bao hàm nhiều ý:

Thứ nhất: Tức Sắc - Không cùng đối chiếu gồm ba nghĩa: Một là nghĩa cùng trái nhau, nên nói: “Trong không chẳng có Sắc”. Hai là nghĩa chẳng cùng ngăn ngại, nên nói: “Chẳng ngăn ngại Sắc”. Ba là nghĩa cùng tác thành, nên ở trước nói: Không có Sắc thật cố định, nêu Thể tức Không nên chẳng phải là Không của đoạn. Nghĩa là Sắc huyễn ấy nếu chẳng nêu Thể tức không thì chẳng thành Sắc huyễn. Cho nên cũng có thể kết hợp nói: “Trong Sắc chẳng có Không nên Sắc chẳng ngăn ngại Không, nêu Thể tức Sắc nên chẳng phải là đoạn diệt”. Do ở đây chính là nói thấu rõ về nghĩa “Chẳng có Sắc”, nên chỉ nói Sắc tức “Không biên”. Đoạn thứ hai tiếp sau có thể hiện bày “Sắc biên”, mới kết hợp nêu rõ nơi Sắc chẳng ngăn ngại Không. Ba thứ chẳng ngăn ngại ấy mới gọi là Chân Không, cũng gọi là Diệu Hữu.

Thứ hai: Hai câu nhằm loại bỏ ý tạp loạn về ba Không của hàng trước Địa. Tức là không có Sắc thật cố định, nêu Thể tức Không tức chẳng phải là Không của đoạn, là loại trừ nghi thứ hai: Không diệt trừ Sắc, chấp giữ nơi Không của đoạn diệt. Do trong Không chẳng có Sắc, nên loại bỏ nghi thứ ba: Không là vật, tức cho không là Có. Nay nêu rõ Không hãy còn Không Có Sắc há có Thể sao? Hướng chi trong Sắc chẳng có Không, thì Không định rõ là không có Thể.

Tiếp theo nói: “Chẳng ngăn ngại nơi Sắc” tức loại bỏ Nghi Thứ nhất: Cho không khác Sắc để chấp giữ ngoài Sắc có Không. Đã cho Chẳng ngăn ngại nơi Sắc tức nêu rõ chẳng phải là ngoài Sắc. Là ba lỗi ấy mới gọi là Chân không nơi Pháp giới thanh tịnh.

Thứ ba: Cũng bao hàm ý “Quán Pháp giới”, tức Thứ nhất là Quán Chân không dứt hẳn mọi Tướng, đây có bốn môn:

Một là: “Quán hợp Sắc quy về không”: Tức ý Không của môn hiện nay.

Hai là: “Quán rõ Không tức Sắc”: Tức là ý của đoạn thứ hai có thể hiện bày Sắc.

Ba là: “Quán Sắc không chẳng ngăn ngại”: Tức là ý đoạn thứ ba này: “Không có Sắc, hiện bày Sắc”.

Bốn là: “Quán cùng dứt tuyệt không còn dựa vào nhau”: Cũng ở trong đoạn này.

Nhưng trong Quán thứ nhất: “Hợp Sắc quy về Không” có bốn câu, đều gồm: Trước là nêu lên. Sau là giải thích ba câu nêu lên ở trước. Đầu cùng che: “Sắc chẳng tức Không”, “Do tức Không”.

Nay nói: “Không có Sắc thật cố định, do nêu Thể tức Không nên Không phải là không của đoạn. Tức phần kia là câu Thứ nhất. Câu ấy viết: “Do Sắc chẳng tức Không, là Không của đoạn, nên nói chẳng tức không. Do Sắc nêu Thể là Chân không, nên nói do tức Không”.

Nay nói: “Chẳng ngăn ngại Sắc” tức phần kia là câu thứ hai. Tướng của Sắc xanh vàng chẳng phải là “Tức Lý của Chân không”, nên nói: “Sắc chẳng tức Không”. Nhưng xanh, vàng không có Thể nên đều là không, vì vậy nói: “Do tức Không”.

Chính do xanh vàng là Không của không có Thể, nên chẳng phải là “Tức xanh vàng”. Vì thế nói: “Chẳng tức Không” Tức cần có xanh vàng mới nói là không có Thể tánh, nên rõ là chẳng ngăn ngại Sắc.

Nay nói: “Trong Không chẳng có Sắc” tức phần kia là câu thứ ba. Trong Không chẳng có Sắc nên chẳng tức Không. Hợp Sắc không có Thể nên nói: “Do tức Không”. Chính do “Hợp Sắc quy về Không” nên

trong Không ắt chẳng có Sắc. Vì thế, do Sắc quy về Không nên Sắc chẳng phải là Không.

Ba câu trên là dùng pháp phân biệt Tình.

Câu Sắc nên nói: “Sắc tức là không”. Nghĩa là , phạm là Sắc pháp ắt chẳng khác với Chân không, do các Sắc pháp ắt không có tánh. Vì vậy “Sắc tức là Không”. Đây tức là phần Sơ giải hiện tại nói: “Thứ nhất là pháp giới không có Sắc thật cố định, nêu Thể tức không”.

Sớ câu: “Còn, Mất, Ẩn, Hiện đều tự tại”: Là tổng kết về nghĩa trước. Có hai ý:

Một: Tóm kết phần trên: “Trong Không chẳng có Sắc” là Mất. “Chẳng ngăn ngại Sắc” là Còn. Nêu Thể tức Không, chẳng phải là “Không của đoạn” nên gồm cả Còn, Mất. Còn, Mất là căn cứ nơi Sắc. Ẩn Hiện là căn cứ nơi không. Lý của không luôn Chân nên chẳng thể nói là Mất. Nhưng Sắc còn thì Không ẩn giấu, Sắc mất thì Không hiển bày. Đây chính là căn cứ theo “Hợp Sắc quy về Không” để nói.

Nếu gồm luôn ý thứ hai: “Chẳng ngăn ngại nơi Sắc hiện bày” tức là Quán “Rõ Không tức Sắc”.

“Luận về Còn, Mất, Ẩn, Hiện”: “Sắc tức là Không” thì Sắc mất, Không hiển bày. “Không tức là Sắc” thì Không ẩn giấu, Sắc còn. Nhưng đều là tức là Mất, tức là Còn, tức là Ẩn, tức là Hiện, nên gọi là Tự tại. Tức dùng chỗ tổng kết làm Quán thứ ba. “Không Sắc chẳng ngăn ngại”.

Về Quán Sắc: “Dứt tuyệt không còn dựa vào nhau” nơi phần sau sẽ giải thích văn.

Sớ từ câu: “Chính do vọng phân biệt nên cầu chẳng thể đạt được” tiếp xuống: Tức là ý của phần kia (Quán pháp giới): “Dứt tuyệt , không còn dựa vào nhau”. Văn viết: “Nghĩa là Chân không của đối tượng được Quán ấy chẳng thể nói”. “Tức Sắc, chẳng tức Sắc, Tức Không chẳng tức Không. Tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt”. Câu này cũng chẳng chấp nhận là hoàn toàn dứt tuyệt chẳng còn dựa vào nhau. Chẳng phải nói về nghĩa “Chẳng thể hiểu kịp, đạt đến” mà đó gọi là Cảnh của Hành. Vì sao? Do sanh tâm động niệm tức là trái với Thể của Pháp, mất chánh niệm. Do đó, nay văn của phần Sơ giải đối chiếu với chỗ nêu dẫn kia, cùng thâm tóm, có thể nhận biết.

Sớ câu: “Do tức Sắc của Không là diệu Sắc”: Đây là dùng phần trước để xác nhận phần sau. Do trước tức thấu rõ về không có Sắc mà hiện bày Sắc, nên thành diệu Sắc.

Tiếp theo nói: “Lại, Sắc Không chẳng hai” tiếp xuống: Là đem

chỗ nay đối chiếu với trước để cùng tác động cùng thành.

Thứ nhất: Từ câu: “Không, Sắc chẳng hai” là xác nhận Chân không ở trên. Do đó hoàn toàn thành nơi trước. “Chẳng hai mà là hai” là dùng phần trước để xác nhận phần sau.

Thứ hai: Từ câu: “Sắc, Không dung hợp tức là” tiếp xuống: Là dung hợp hai vẫn ở trên, quy về câu Pháp giới Thứ nhất.

Thứ ba: Từ câu; “Duyên khởi vô tận tức là” tiếp xuống: Là tạo thành phần sau, là không bến bờ. Về nghĩa sâu xa của Chân không, diệu Sắc đã diễn rộng như nơi Phẩm Vấn Minh.

“Thứ chín là Nhứt thiết Pháp trí Thông”:

Câu: “Nhưng ba đối này giải thích có ba nghĩa: Ba nghĩa ấy ở rải rác trong Kinh Luận. Bậc Cổ đức tùy theo chỗ tìm thấy để chọn lấy hoặc bỏ đi chẳng đồng. Do đó, nay ý của phần Sở giải là thấy đều gồm thâu nhưng nghĩa dùng đều riêng, cùng xem là những giải thích chính thức, hợp ba ý kia mới đạt tới chỗ tận cùng nơi diệu chỉ.

Rõ ràng ba đối này đều do câu sau mà thành riêng biệt. Trên nói chẳng phải là khác nên chỗ sâu xa của câu nghĩa đều đồng. Đồng là loại trừ tướng sai biệt, nên câu sau đối chiếu với phần trên mà thành riêng ba lớp”.

Thứ nhất: “Chỉ căn cứ theo chỗ hiển bày về Thật”, tức loại bỏ dấu vết, để hội nhập vào chốn Huyền diệu.

“Chẳng phải là khác” là loại bỏ tướng sai biệt. “Chẳng phải là chẳng khác” là loại trừ dấu vết chẳng khác ở trên, tức là loại bỏ hoàn toàn. Lại nữa, loại bỏ cho đến khi không còn gì để loại bỏ. Văn phân làm hai:

Một: Biện minh tổng quát về hai câu. Cho nên nói: “Tức cùng đối đãi mà không”.

Hai: Gồm hai chi tiết:

Một là phá bỏ về dị (khác) nói: “Dị tướng cùng là không”. Nói “Chẳng khác”: Đây tức là ý của Trung Luận, trong Phẩm Pháp Hợp. Do Tiểu thừa lập về Kiến có thể nhận thấy: “Kiến là ba sự hoà hợp làm nhân” nên dùng “Dị” để phá bỏ. Luận viết:

“Pháp dị nên có hợp

Kia v.v... không có khác

Pháp dị đã không thành

Kiến làm sao hợp được?

Giải thích: Đây chỉ là biện minh chung về không dị. Dị tức không hợp.

Hai là: So sánh để phá bỏ về dị:

*“Chẳng phải chỉ là Kiến v.v...
Dị tướng chẳng thể đạt
Hết thấy pháp hiện có
Đều gọi không tướng dị”.*

Giải thích: Trên là nói chung về không, dưới là nêu ra lý do của không. Kệ viết:

*“Dị nhân dị có dị
Dị lìa dị không dị
Như pháp chỗ nhân nêu
Pháp ấy chẳng khác nhân”.*

Nghĩa là như Mắt đối với Sắc là khác (dị). Sắc đối với Mắt là khác. Đó gọi là khác (dị). Nay nêu rõ nhân nơi Sắc khác nên Mắt khác. Vì thế nói: “Dị nhân dị có dị”. Nếu lìa nơi Sắc thì Mắt cùng với cái gì để khác? “Nên viết: “Dị lìa dị không dị”. Thế thì hai dị của Mắt và Sắc cùng nhờ vào nhau mà thành, tức không có Mắt, Sắc cố định mà thành nơi dị. Do vậy nói: Như pháp chỗ nêu nhân, Pháp ấy chẳng khác nhân”.

Cũng như do nơi cột kèo v.v... mà thành ngôi nhà, ngôi nhà không khác với cột kèo v.v... nên nói: “Pháp từ chỗ nêu nhân, Pháp chẳng khác với nhân”. Nếu Mắt như nhà, tức Sắc như cột kèo v.v... Nếu Sắc như nhà thì Mắt như cột kèo v.v... nên cùng là chỗ nhân vào nhau. Vì thế Sở viết: “Dị tướng cùng là không”. Tức Mắt, Sắc cùng nhân vào nhau nên không có cái dị (khác) cố định.

Lại như Dài ra Ngắn lại. Trong dài không có tướng ngắn thì Dài không có thể đối hợp nên không có Dài. Trong Ngắn không có tướng Dài, thì Ngắn không thể đối hợp, nên không có Ngắn. Đã không có Dài, Ngắn thì lấy cái gì để nói là khác? Do đó nói: “Tướng dị cùng không nên không khác”. Lại nữa, trong dài tự không có tướng dài. Trong Ngắn tự không có tướng Ngắn. Vậy dùng cái dài Ngắn nào mà nói là khác? Đây cũng là ý của Trung Luận và ý của Bách Trung Luận viết:

*“Trong dị không tướng dị
Trong chẳng dị cũng không
Nên không có tướng dị
Tức không kia, đây khác”.*

Bách Luận trong một Phẩm “Phá”, ngoại đạo lập nội dung của một. Phần đả phá viết:

“Nếu nhân quả chẳng khác

Ba đời nên là một”.

Ngoại đạo biện hộ: “Chẳng phải thế! nhân Quả cùng đối đãi mà thành” nên như phần đã nói về dài ngắn. Chú giải rằng: Như nhân nơi dài thấy được ngắn, và ngược lại. Như thấy khối đất nặng, xem biết là bình, tức là nhân, xem khối đất tức là quả. Luận chủ phá: Nhân nơi cái khác có lỗi cùng chung và mâu thuẫn. Không phải trong dài có tướng dài, cũng không phải trong ngắn có tướng dài và trong cùng cả hai. Chú giải rằng: Nếu thật có tướng dài thì trong dài có, trong ngắn có, hoặc trong chung cả hai có. Như vậy đều không thể được Vì sao? Trong dài không có tướng dài, vì nhân nơi cái khác. Nhân nơi ngắn làm ra dài, nên trong ngắn cũng không có tướng dài, vì tánh mâu thuẫn. Nếu trong ngắn có tướng dài thì kia không gọi là ngắn. Trong cùng cả hai cũng không có tướng dài, vì như thế là sai lầm về cả hai đều cùng có. Như trong dài có, trong ngắn có, thì trước đã nói hai lỗi, thì nay lấy cái gì làm chung ư? Đây là phá chấp “Dị” xong.

Ở trên đã phá về dị xong. Tiếp theo, Sở viết: “Ngắn dị nói chẳng dị” tiếp xuống: Là dùng môn “Cùng đối đãi” để giải thích: “Không có chẳng dị”. Nghĩa là không dị có thể đối đãi, nên cả hai cùng dứt tuyệt, do khế hợp với Tánh không. Cũng là ý của Bách Luận: “Nếu không có dài ngắn, làm sao cùng đối đãi”.

Sở câu: “Hai là căn cứ theo chỗ cả hai cùng hiển bày”: Là lớp thứ hai. Nghĩa là ở trên chỉ hiển bày về Thật, tức chỉ là Tánh mà chẳng phải là Tướng. Nay Tánh Tướng đều nêu đủ nên gọi là “Cả hai cùng hiển bày”. Tức do Thể làm một nên chẳng phải là dị tướng. Do sai biệt nên “Chẳng phải là chẳng dị”. Ở đây nêu lên “Cả hai cùng là” để hiển bày “Cả hai cùng chẳng phải là”.

Sở từ câu: “Ba là căn cứ theo chỗ cùng ngắn chặn” tiếp xuống: Là lớp thứ ba. Vẫn có hai ý:

Một: Trước nêu rõ về “Tương tức” nên có được chỗ cùng ngắn chặn. Tức gốc của Tướng là khác. Nay tức Tánh nên không có khác, nên chẳng phải là khác. Gốc của Tánh là một. Nay tức Tướng nên không có một. Do đó “Chẳng phải là chẳng khác”.

Hai: Từ câu: “Lại Tướng chẳng phải là Tướng” tiếp xuống: Là biện minh về Tướng hiện có tự lìa nên có được “Cùng chẳng phải là”.

Từ câu: “Lìa chấp nơi hai bên” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận diệu chỉ.

Sở từ câu: “Pháp tánh chẳng cùng Chân nên là một Tướng”: Tức câu nói của đại sư Đàm Ảnh:

*“Pháp tánh chẳng cùng chân
Đạo Thánh Hiền không khác”.*

Do Lý không có vị khác.

Sớ câu: “Một cũng chẳng là một nên là Vô tướng”: Tức nơi Kinh Pháp cú viết:

*“Muôn hình cùng vạn tượng
Một pháp chỗ in sâu
Vì sao trong một pháp
Mà hiện có sai biệt?”*

Tức một Tướng nói trên. Tiếp theo nói:

*“Một cũng chẳng là một
Là nhằm phá các số
Trí cạn chấp các pháp
Thấy một cho là một”.*

Tức là ý của câu sau.

Sớ câu: “Có, Không đều là pháp, đối đãi nên Không”: Là giải thích “Chẳng phải là Không, chẳng phải là Có”. Nghĩa là có tức có pháp, Không tức không pháp, nên mới: “Có Không đều là pháp”.

Nói: “Đối đãi nên Không”: Tức trong chương đầu của ba Luận, kệ viết:

*“Như có, có nên có
Tức có không nên không
Nay không có nên có
Cũng không không nên không”.*

Nghĩa là, nhân nơi Không mà lập Có, Có nhờ nơi Không sinh nên chẳng phải là Có. Nhân nơi có nói về Không, Không nhân nơi Có mà lập nên chẳng phải là không. Nếu nối tiếp phần trên để dấy khởi, trên nói “Vô tướng” tức là nghĩa Không. Nay chẳng phải cho kia là Vô tướng, nên nói: Chẳng phải là Không. Không hãy còn chẳng tồn tại thì có sao Có thể lập được? Do đó nói: “Chẳng phải là không, chẳng phải là có”, đều là đối đãi nên không.

Sớ câu: “Pháp cùng với phi pháp chỉ là giả nêu bày”: Pháp, phi pháp có ba nghĩa:

Một: Có pháp là pháp. Không pháp là phi pháp. Ở trên đã phá bỏ về có không, nên nay chẳng phải là nghĩa này.

Hai: Pháp ác là phi pháp, pháp thuận là Pháp

Ba: cho Tướng là pháp, cho Tánh là phi pháp. Nay chung cho hai nghĩa này.

Thiện ác cùng nhân vào nhau nên cũng là giả nêu bày. Loại trừ Tướng nói pháp nêu rõ Tánh là phi pháp. Tướng đã chẳng còn thì Tánh chẳng an lập. Pháp hãy còn nên bỏ, hướng hồ là phi - pháp.

Tánh Tướng cùng nhân vào nhau nên cũng là giả nêu bày.

Sớ từ câu: “Cùng dựa theo Thật mà cầu đạt” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về chỗ hiển bày Thật. Trong mỗi mỗi đối ở trên phần nhiều dùng câu trên làm đối tượng được trị, câu dưới làm chủ thể đối trị. Như Hư là đối tượng được trị, Thật là chủ thể đối trị. Pháp là đối tượng được trị, phi pháp là chủ thể đối trị. Đã cùng quy về Thật nên đều cùng tịch tĩnh.

Câu: “Phần còn lại đều dựa theo đấy”: Là giải thích chẳng tùy nơi tục. “Chẳng phải là chẳng tùy tục” trở xuống là văn của Kinh.

Thứ mười là Diệt định Trí Thông:

Từ câu: “Thứ nhất là nêu tên gọi”: Tiếp xuống: Là văn nơi phần Sớ giải có hai:

Một: Giải thích về Tướng.

Hai: Từ câu: “Sự Lý chẳng phải là một” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi. Nơi phần một cũng gồm hai:

Thứ nhất: chính thức giải thích.

Thứ hai: Từ câu: “Đây tức là” tiếp xuống: Là phân biệt về định. Tức là đối chiếu với các Tông khác để phân biệt về Thể, Dụng của định.

Phần này gồm ba chi tiết:

Một là: Phân biệt theo Lý, Sự.

Hai là: phân biệt theo công năng.

Ba là: Phân biệt lần nữa để ngăn chặn sự biện hộ giúp.

Nay nói về chi tiết một: “Đây tức là Lý diệt” tức là Tông chỉ gốc. Thể của pháp giới là tịch diệt.

“Chẳng giống như” tiếp xuống: Là nói về Tông Pháp tướng. Chỉ là Sự diệt nên cần Tâm chẳng Hành mới gọi là diệt.

Sớ từ câu: “Chỉ là Sự diệt” tiếp xuống: Là chi tiết hai, phân biệt theo công năng chẳng đồng. Gồm hai:

Một: Nêu rõ Sự diệt, sáu, bảy chẳng Hành sao có thể khởi dụng?

Hai: Từ câu: “Chứng đắc Lý diệt” tiếp xuống: Là biện minh về lý, diệt, công cao. Đã tức sự mà là Lý nên định, Tán (loạn) không ngăn ngại.

Sớ từ câu: “Cũng chẳng phải là Tâm định” tiếp xuống: Là chi tiết ba, phân biệt lần nữa để ngăn chặn sự biện hộ giúp. Tức sợ có sự biện

hộ giúp: “Tướng của Tâm tuy diệt nhưng trước định có Gia hạnh khiến Thân dấy khởi dụng”. Cho nên vì dấy mà phân biệt. “Tâm chính ở nơi định nên chẳng thể dấy khởi”. Đây là ngăn chặn đối với Pháp tướng.

Tiếp theo nói: “Cũng chẳng phải là biện minh riêng về định, tán cùng dứt tuyệt”. Đây là nhằm ngăn chặn đối với Thiền Tông. “Chỉ, Quán cùng mất, chẳng định chẳng loạn, căn cứ nơi Lý nên sáng tỏ tức thì”. Cũng là ý của Đốn giáo nên chẳng phải là tông chỉ của Kinh này.

Từ câu: “Chỉ là Sự, Lý không ngăn ngại” tiếp xuống: Là mới hiển bày nghĩa chính. Tức khế hợp với lý vô ngại nên đạt được định, tán tự tại.

Từ câu: “Bảy địa ở trên nói” tiếp xuống: Là dẫn hai Kinh để chứng minh, đều như trước đã nêu.
